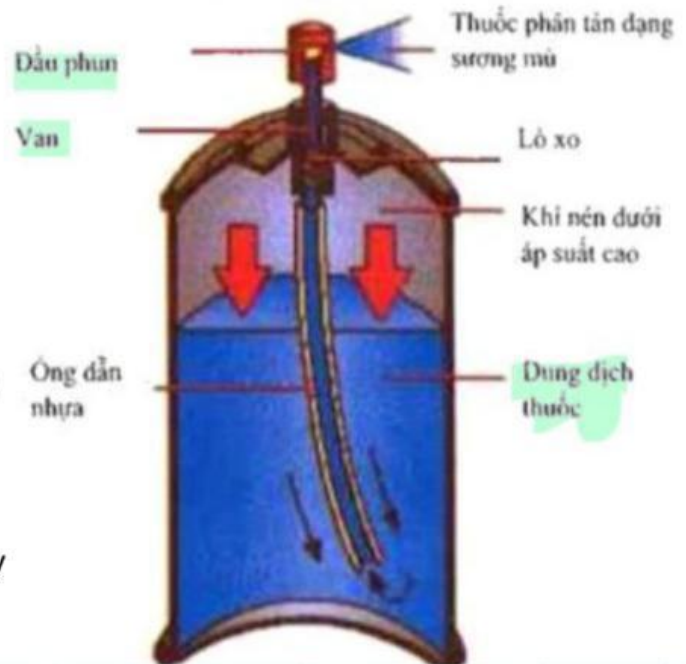


Thuốc khí dung

- **Luồng khí** áp suất cao nén qua đầu phun phân tán **dược chất** thành hạt nhỏ
- **Dạng:**
 - dung dịch, hỗn dịch
 - nhũ tương, bột xốp
- **Đường dùng**
 - da, tóc
 - tai - mũi - họng, răng miệng
 - phổi (hít) (bệnh phổi or TD toàn thân)
- **Thiết bị tạo phun mù**
 - có van **định liều**
 - có van **phun liên tục**
 - có **bơm định liều** không dùng chất đẩy

Thường bao gồm 4 thành phần: bình chứa, van, chất đẩy, đầu phun và thuốc.



Ưu điểm

- SKD cao (phun -> S tx lớn)
- dược chất **ổn định** (bình kín)
- trúng **đích**
- **phân liều** chính xác
- dễ dùng

Nhược điểm

- SX khó --> **đắt**
- thuốc hít phổi phải có sự **phối hợp** hít theo nhịp của BN
- khí đẩy phá hủy tầng **ozone**
- dễ **cháy**
 - t^* bảo quản $< 50^{\circ}\text{C}$
 - không đè nén
 - không chọc vật nhọn vào



cắt cơ hen cấp
hít vào miệng